| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN T**<br>**TỈNH QUẢNG NGÃI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tư do – Hạnh phúc** |
| Số : 01/2020/QĐST- HNGĐ | *T, ngày 16 tháng 01 năm 2020* |

**QUYẾT ĐỊNH**
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH**

V/v: Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH QUẢNG NGÃI.**

***Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp*: Ông Phạm Thanh Hùng.

*Thư ký phiên họp*: Ông Bùi Quốc Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên họp*: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 01/2019/TLST-HNGĐ ngày 09/12/2019 về việc yêu cầu: "Hủy giấy chứng nhận kết hôn", theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình số 01/2020/QĐ - TA ngày 03 tháng 01 năm 2020, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu: Chị **Lê Thị L**, sinh năm 1980.

Địa chỉ cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Ủy ban nhân dân thị trấn LH**, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Trường C, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ trụ sở: Tổ dân phố B, thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Anh **Trương Bảo M**, sinh năm 1979.

Địa chỉ cư trú: Số nhà C, đường Xuân Thới Đ, huyện HM, Thành phố Hồ Chí Minh.

Chị Lê Thị L có mặt; Ông Lê Trường C, anh Trương Bảo M xin giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VIỆC HÔN NHÂN VÀ GIA ĐÌNH:**

*- Theo đơn yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình ngày 06/12/2019 và tại phiên họp, chị Lê Thị L trình bày:*

Anh Trương Bảo M nguyên quê ở thôn TB, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Khoảng năm 1993, anh M làm nghề cửa sắt tại Tổ dân phố A, thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi; năm 1999 giữa Chị và anh M yêu thương nhau và có quan hệ tình cảm nên chị có thai, đến năm 2000 chị sinh cháu Trương Thị Gia H.

Sau khi sinh con, anh M không đăng ký kết hôn với Chị mà bỏ vào Thành phố Hồ Chí Minh sinh sống đến nay. Để làm Giấy khai sinh cho cháu H có tên cha, UBND thị trấn LH yêu cầu Chị phải cung cấp Giấy đăng ký kết hôn. Năm 2001, chị L đến Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi làm thủ tục đăng ký kết hôn. Khi làm thủ tục Chị giả chữ ký, chữ viết của anh M để ký trong Giấy chứng nhận kết hôn ở phần "người chồng". Sau đó chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 03/12/2001 cho Chị với anh Trương Bảo M. Việc Chị giả chữ ký, chữ viết của anh M trong Giấy chứng nhận kết hôn đã được Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận tại văn bản giám định số 808/KLGĐ-PC09 ngày 30/8/2018.

Nay, Chị yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 35 giữa Chị với anh Trương Bảo M do Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 03/12/2001. Riêng cháu Trương Thị Gia H đã thành niên, có công ăn việc làm nên chị không yêu cầu giải quyết.

*- Tại đơn trình bày ngày 15/11/2019, 27/12/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trương Bảo M trình bày:*

Việc năm 2001 Ủy ban nhân dân thị trấn LH cấp Giấy chứng nhận kết hôn có đề tên của anh với chị L là không đúng, vì anh không có mặt tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn LH và không ký vào Giấy chứng nhận kết hôn. Do đó, Giấy chứng nhận kết hôn là do chị Lê Thị L tự ký và tự viết tên của anh vào là trái pháp luật, không đúng với ý chí của anh. Nay chị L yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn nêu trên, anh M thống nhất và không có ý kiến gì khác.

*- Tại biên bản làm việc ngày 19/12/2019 ông Lê Trường C, chủ tịch Ủy ban nhân dân thị trấn LH trình bày*:

Tại thời điểm năm 2001, ông C chưa làm Chủ tịch UBND thị trấn LH nên không nắm rõ về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận kết hôn, và ông không biết tại thời điểm cấp Giấy chứng nhận kết hôn, ông M có mặt hay không, và có ký vào Giấy chứng nhận kết hôn không. Căn cứ vào Kết luận giám định số 808/KLGĐ-PC09 ngày 30/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi là cơ sở pháp lý chứng minh cho yêu cầu của chị L là có căn cứ.

Nay, chị L yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 35 do Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 03/12/2001 về việc chứng nhận kết hôn giữa chị Lê Thị L với anh Trương Bảo M. Đại diện Ủy ban nhân dân thị trấn LH thống nhất với yêu cầu của chị L và ý kiến anh M.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi tại phiên họp:*

+ Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký và đương sự đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

+ Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện, ngày 03/12/2001 anh Trương Bảo M không có mặt tại UBND thị trấn LH, huyện T và không ký vào Giấy chứng nhận kết hôn khi làm thủ tục, nhưng UBND thị trấn LH vẫn cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho chị L, anh M là trái với các Điều 9, 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Chị L yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận kết hôn nêu trên, được anh Trương Bảo M, UBND thị trấn LH thống nhất là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị L về việc hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 35 giữa chị Lê Thị L với anh Trương Bảo M do Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 03/12/2001.

Chị L không phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc hôn nhân và gia đình được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Ngãi nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 03/12/2001 do Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho Lê Thị L và anh Trương Bảo M. Ngày 06/12/2019, chị Lê Thị L có đơn yêu cầu giải quyết Hủy Giấy chứng nhận kết hôn gửi Tòa án nhân dân huyện T, Tòa án nhân dân huyện T căn cứ khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39 của Bộ Luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 tiến hành thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về nội dung: Chị L yêu cầu hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 03/12/2001 do Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho chị Lê Thị L với anh Trương Bảo M.

Căn cứ vào lời trình bày của anh Trương Bảo M: Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 03/12/2001 do Ủy ban nhân dân thị trấn LH anh không ký và viết tên dưới mục "chồng", việc đăng ký kết hôn anh không biết, không có mặt là không đúng với ý chí của anh. Lời trình bày của anh M phù hợp với lời trình bày của chị L, phù hợp với Kết luận giám định số 808/KLGĐ-PC09 ngày 30/8/2018 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi. Tại văn bản giám định số 808/KLGĐ-PC09 ngày 30/8/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi đã kết luận phần chữ viết và chữ ký tại các mục "vợ" và "chồng" đều do chị Lê Thị L ký và viết.

Tại Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "Khi tổ chức đăng ký kết hôn phải có mặt hai bên nam, nữ kết hôn. Đại diện cơ quan đăng ký kết hôn yêu cầu hai bên cho biết ý muốn tự nguyện kết hôn, nếu hai bên đồng ý kết hôn thì đại diện cơ quan đăng ký kết hôn trao Giấy chứng nhận kết hôn cho hai bên". Đồng thời tại khoản 2 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: "Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào; không ai được cưỡng ép hoặc cản trở".

Như vậy, việc UBND thị trấn LH cấp Giấy chứng nhận kết hôn cho chị Lê Thị L và anh Trương Bảo M là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 9 và Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Mặc khác, ý kiến của Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi thống nhất Hủy giấy chứng nhận kết hôn theo yêu cầu của chị L với các lý do trên.

Do đó, chị Lê Thị L yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 35 giữa chị Lê Thị L với anh Trương Bảo M do Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 03/12/2001 là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân gia đình: Chị Lê Thị L không phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Hoàn trả tiền tạm ứng lệ phí cho chị Lê Thị L.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên họp là phù hợp với nhận định của Tòa án nên được chấp nhận.

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; khoản 3 Điều 10, khoản 1 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35, điểm g khoản 2 Điều 39, Điều 149, Điều 370, Điều 371, 372 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; điểm d khoản 2 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn yêu cầu của chị Lê Thị L. Tuyên hủy Giấy chứng nhận kết hôn số 35 ngày 03/12/2001 do Ủy ban nhân dân thị trấn LH, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi cấp cho chị Lê Thị L với anh Trương Bảo M.

- Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc hôn nhân và gia đình: Chị Lê Thị L không phải chịu lệ phí giải quyết việc hôn nhân và gia đình. Hoàn trả 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng số AA/2018/0002254 ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Lê Thị L có mặt tại phiên họp có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ra quyết định. Đại diện UBND thị trấn LH và anh Trương Bảo M vắng mặt tại phiên họp, có quyền kháng cáo Quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc Quyết định được thông báo, niêm yết theo quy định pháp luật. Viện kiểm sát có quyền kháng nghị Quyết định này trong thời hạn luật định.

**Nơi nhận:**
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND thị trấn LH;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Phạm Thanh Hùng**